

Bản án số: 125/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 8-2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Trần Thị Thu Hà.**

2. Ông: **Đinh Minh Phương.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Quyên - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lữ Ngọc Minh Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022, về tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị O – sinh năm: 1976 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 14/6/2022).

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T – sinh năm: 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Phạm Thị O có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 16/3/2022 chị Phạm Thị O trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Quới Thiện, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 16/9/2016.

Sau ngày cưới vợ chồng chị sống riêng tự lập. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ghen tuông vô cớ, vợ chồng thường hay cự

cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh T đã không còn sống chung với nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Duy M, sinh ngày 26/12/2011. Hiện nay cháu M đang sống chung với anh T, sau khi ly hôn chị đồng ý giao cháu M cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Thị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị Phạm Thị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án. Xét việc vắng mặt của anh T không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

Trình tự tố tụng: thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị O.

Cho chị Phạm Thị O được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Phạm Thị O và anh Nguyễn Văn T có một con chung tên Nguyễn Duy M, sinh ngày 26/12/2011. Giao cháu Nguyễn Duy M cho anh Nguyễn Văn Thiệt trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Thị O không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị O không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn T vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Phạm Thị O không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn T vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị O phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện; Đơn xin xác nhận; Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); Trích lục kết hôn; Giấy khai sinh bản sao; Bản tự khai; Dịch vụ chuyển phát nhanh, đơn xin vắng mặt.

Bị đơn vắng nên không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị O có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc ly hôn giữa chị O và bị đơn anh Nguyễn Văn T, anh T có nơi cư trú tại ấp Phước Lý Nhất, xã Quới Thiện, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở hiện nay: ấp Phú Thới, xã Quới Thiện, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn chị O có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị O. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh T vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T cũng không đến Tòa án, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị O và anh T do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Quới Thiện, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 16/9/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị O trình bày thì thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 04 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ghen tuông vô cớ, vợ chồng thường hay cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị O và anh T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị O và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được. Chị Oanh yêu cầu ly hôn với anh T, anh T vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Oanh.

Về con chung: Chị Oanh và anh T có một con chung tên Nguyễn Duy M, sinh ngày 26/12/2011. Hiện nay cháu M đang sống chung với anh T, sau khi ly hôn chị Oanh đồng ý giao cháu M cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Oanh không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ năm 2017 cho đến nay thì chị O và anh T không còn sống chung với nhau, cháu M sống chung với anh T. Khi Tòa án đến lấy ý kiến của của cháu M thì anh T không hợp tác nên Tòa án lập biên bản không lấy lời khai được để làm cơ sở cho Tòa án xét xử vụ án. Anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị O giao cháu M cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị O không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị O phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị O.

Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị O được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Phạm Thị O và anh Nguyễn Văn T có một con chung tên Nguyễn Duy M, sinh ngày 26/12/2011. Giao cháu Nguyễn Duy M cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Thị O không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị O không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Phạm Thị O không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị O phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Phạm Thị O đã nộp theo biên lai thu số N⁰0008209, ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Phạm Thị O đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Quới Thiện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh